

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH Y**

Bản án số: 72/2020/HNGĐ- ST

Ngày 17-12-2020

V/v ly hôn và nuôi con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y
*Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Quang Long

- Ông Hoàng Văn Khiếu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Diễm Thị Thanh Tuyền- Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 -12-2020 giữa;

Nguyên đơn: Chị Lương Thị L, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y- Có mặt

Bị đơn: Anh Triệu Văn N, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y- Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và biên bản ghi lời khai ngày 25-11-2020 của nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày: Chị L và anh Triệu Văn N có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, nhưng do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Chị L và anh N chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh N hay uống rượu về nhà chửi bới đánh đập vợ con. Gia đình bên ngoại có khuyên

bảo nhiều lần nhưng anh N không thay đổi. Nay chị L xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con chung: Chị L và anh N có một con chung, tên là Lương Văn H, sinh ngày 10-02-2014. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 25-11-2020 bị đơn anh Triệu Văn N trình bày: Anh N và chị Lương Thị L có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, nhưng do trình độ hiểu biết pháp luật còn hạn chế nên anh N và chị L không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống đến tháng 10-2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, hay bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Nay anh N xác định tình cảm với chị L vẫn còn, chị L xin ly hôn anh N không đồng ý anh đề nghị chị L về đoàn tụ.

Về con chung: Anh N và chị L có một con chung, tên là Lương Văn H, sinh ngày 10-02-2014. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu H anh đồng ý, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh N và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Y phát biểu ý kiến: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại phiên tòa, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53, điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử tuyên bố chị L và anh N không phải là vợ chồng; giao cháu Lương Văn H cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con, chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} *Về thủ tục tố tụng:* Tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

{2} *Về tư cách người tham gia tố tụng:* Tòa án xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng gồm nguyên đơn và bị đơn trong vụ án.

{3} *Về tình cảm*: Chị Lương Thị L và anh Triệu Văn N có quan hệ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014, nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay chị L có yêu cầu xin ly hôn anh N, cần căn cứ vào các quy định của luật Hôn nhân và gia đình để xem xét mối quan hệ giữa hai người. Thấy rằng việc chị L và anh N có quan hệ chung sống với nhau không đăng ký kết hôn là vi phạm Khoản 1 Điều 14 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên cần áp dụng quy định này và Khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố chị L và anh N không phải là vợ chồng.

[4] *Về con chung*: Chị L và anh N có một con chung, tên là Lương Văn H, sinh ngày 10-02-2014. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị L và anh N thỏa thuận: Chị L được trực tiếp nuôi cháu Lương Văn H, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy sự thỏa thuận của chị L và anh N là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

{5} *Về tài sản chung và công nợ chung*: Chị L và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

{6} *Về án phí*: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

{7} *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Khoản 1 Điều 14, Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, 273, 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân xử*: Tuyên bố chị Lương Thị L và anh Triệu Văn N không phải là vợ chồng.

2- *Về con chung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau*: Chị Lương Thị L được trực tiếp nuôi cháu Lương Văn H, sinh ngày 10-02-2014, anh Triệu Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở

3- *Về án phí*: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo

biên lai số: AA/2017/0008367 ngày 20-11-2020 tại chi cục Thi hành án dân sự Huyện L. Chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4- *Quyền kháng cáo:* Chị Lương Thị L, anh Triệu Văn N được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TA Tỉnh Y;
- VKS huyệnL;
- CCTHA huyệnL;
- UBND xã M,
- Các đương sự (02);
- Lưu HS. TA

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Anh